

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 23/GQP86/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86

Địa chỉ: Tầng 9, số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0889838588 Fax:

E-mail: giaquynhphat86@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0111428224

II. Thông tin về sản phẩm

1. **Tên sản phẩm:** Nước vị Dừa 0h

2. **Thành phần:** Nước, đường kính, high fructose corn syrup 55%, chất điều chỉnh độ axit: (E331iii,E338), chất bảo quản (E211,E202), chất tạo ngọt: (E 950, E955), chất ổn định (E452i), Kali clorua (E508), Natri clorua, tạo đục, hương dừa nước, hương panda.

3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

Thành phẩm được đựng trong chai nhựa PET, đảm bảo phù hợp an toàn vệ sinh thực phẩm.

Thể tích thực: 1.5L/chai.

Quy cách đóng gói : Đối với chai 1,5l: khi vận chuyển được đóng vào thùng giấy carton hoặc trong khay giấy carton phủ nhựa kín. Mỗi thùng/ khay chứa 12 chai để rời hoặc cuốn trong 2 lớp, mỗi lớp 6 chai được cuốn nylon trong không in nhãn, hoặc bỏ vào trong quai xách, mỗi quai xách 2 chai hoặc theo quy cách khác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng và kinh doanh, chỉ dùng để thuận tiện cho việc vận chuyển.

5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Sản xuất tại: Công ty cổ phần Fuzi Việt Nam địa chỉ tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Hồng Vân, Thành phố Hà Nội.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 43/GCNATTP-SCT



Ngày cấp: 13/08/2023

Nơi cấp: Sở Công thương Hà Nội

Hợp đồng Gia công Số 0805/2026-HDGC-GQP86-FZ giữa CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH
PHÁT 86 VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN FUZI VIỆT NAM

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12828:2019- Quy
chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	<i>Coliforms</i>	CFU/ml	10
3	<i>E.coli</i>	CFU/ml	0
4	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	0
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	0
6	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	0
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/ml	10
8	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	0
9	Hàm lượng Pb	mg/L	0.05
10	Hàm lượng Carbohydrat (Không bao gồm Chất xơ)	g/100ml	1,65
11	Hàm lượng chất béo	g/100ml	0
12	Hàm lượng chất đạm	g/100ml	0
13	Hàm lượng đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	g/100ml	1,57
14	Năng lượng (tính từ chất đạm, chất béo và Carbonhydrat, không bao gồm chất xơ)	kcal/100ml	6,6
15	Hàm lượng Natri	mg/100ml	35,9

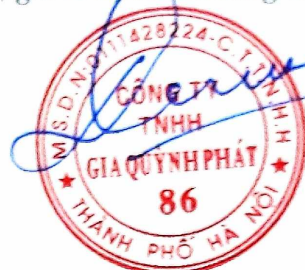
8224-C
IG TY
NH
YNNPH
86
HỒ H

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Lê Hữu Diện



248.00 mm

		Color		Device		CMYK patches	
ColorChecker 1. 24 patches 2. 30 patches 3. 36 patches 4. 48 patches 5. 60 patches 6. 72 patches 7. 84 patches 8. 96 patches 9. 108 patches 10. 120 patches 11. 132 patches 12. 144 patches 13. 156 patches 14. 168 patches 15. 180 patches 16. 192 patches 17. 204 patches 18. 216 patches 19. 228 patches 20. 240 patches 21. 252 patches 22. 264 patches 23. 276 patches 24. 288 patches 25. 300 patches 26. 312 patches 27. 324 patches 28. 336 patches 29. 348 patches 30. 360 patches 31. 372 patches 32. 384 patches 33. 396 patches 34. 408 patches 35. 420 patches 36. 432 patches 37. 444 patches 38. 456 patches 39. 468 patches 40. 480 patches 41. 492 patches 42. 504 patches 43. 516 patches 44. 528 patches 45. 540 patches 46. 552 patches 47. 564 patches 48. 576 patches 49. 588 patches 50. 600 patches 51. 612 patches 52. 624 patches 53. 636 patches 54. 648 patches 55. 660 patches 56. 672 patches 57. 684 patches 58. 696 patches 59. 708 patches 60. 720 patches 61. 732 patches 62. 744 patches 63. 756 patches 64. 768 patches 65. 780 patches 66. 792 patches 67. 804 patches 68. 816 patches 69. 828 patches 70. 840 patches 71. 852 patches 72. 864 patches 73. 876 patches 74. 888 patches 75. 900 patches 76. 912 patches 77. 924 patches 78. 936 patches 79. 948 patches 80. 960 patches 81. 972 patches 82. 984 patches 83. 996 patches 84. 1008 patches 85. 1020 patches 86. 1032 patches 87. 1044 patches 88. 1056 patches 89. 1068 patches 90. 1080 patches 91. 1092 patches 92. 1104 patches 93. 1116 patches 94. 1128 patches 95. 1140 patches 96. 1152 patches 97. 1164 patches 98. 1176 patches 99. 1188 patches 100. 1200 patches 101. 1212 patches 102. 1224 patches 103. 1236 patches 104. 1248 patches 105. 1260 patches 106. 1272 patches 107. 1284 patches 108. 1296 patches 109. 1308 patches 110. 1320 patches 111. 1332 patches 112. 1344 patches 113. 1356 patches 114. 1368 patches 115. 1380 patches 116. 1392 patches 117. 1404 patches 118. 1416 patches 119. 1428 patches 120. 1440 patches 121. 1452 patches 122. 1464 patches 123. 1476 patches 124. 1488 patches 125. 1500 patches 126. 1512 patches 127. 1524 patches 128. 1536 patches 129. 1548 patches 130. 1560 patches 131. 1572 patches 132. 1584 patches 133. 1596 patches 134. 1608 patches 135. 1620 patches 136. 1632 patches 137. 1644 patches 138. 1656 patches 139. 1668 patches 140. 1680 patches 141. 1692 patches 142. 1704 patches 143. 1716 patches 144. 1728 patches 145. 1740 patches 146. 1752 patches 147. 1764 patches 148. 1776 patches 149. 1788 patches 150. 1800 patches 151. 1812 patches 152. 1824 patches 153. 1836 patches 154. 1848 patches 155. 1860 patches 156. 1872 patches 157. 1884 patches 158. 1896 patches 159. 1908 patches 160. 1920 patches 161. 1932 patches 162. 1944 patches 163. 1956 patches 164. 1968 patches 165. 1980 patches 166. 1992 patches 167. 2004 patches 168. 2016 patches 169. 2028 patches 170. 2040 patches 171. 2052 patches 172. 2064 patches 173. 2076 patches 174. 2088 patches 175. 2100 patches 176. 2112 patches 177. 2124 patches 178. 2136 patches 179. 2148 patches 180. 2160 patches 181. 2172 patches 182. 2184 patches 183. 2196 patches 184. 2208 patches 185. 2220 patches 186. 2232 patches 187. 2244 patches 188. 2256 patches 189. 2268 patches 190. 2280 patches 191. 2292 patches 192. 2304 patches 193. 2316 patches 194. 2328 patches 195. 2340 patches 196. 2352 patches 197. 2364 patches 198. 2376 patches 199. 2388 patches 200. 2400 patches 201. 2412 patches 202. 2424 patches 203. 2436 patches 204. 2448 patches 205. 2460 patches 206. 2472 patches 207. 2484 patches 208. 2496 patches 209. 2508 patches 210. 2520 patches 211. 2532 patches 212. 2544 patches 213. 2556 patches 214. 2568 patches 215. 2580 patches 216. 2592 patches 217. 2604 patches 218. 2616 patches 219. 2628 patches 220. 2640 patches 221. 2652 patches 222. 2664 patches 223. 2676 patches 224. 2688 patches 225. 2700 patches 226. 2712 patches 227. 2724 patches 228. 2736 patches 229. 2748 patches 230. 2760 patches 231. 2772 patches 232. 2784 patches 233. 2796 patches 234. 2808 patches 235. 2820 patches 236. 2832 patches 237. 2844 patches 238. 2856 patches 239. 2868 patches 240. 2880 patches 241. 2892 patches 242. 2904 patches 243. 2916 patches 244. 2928 patches 245. 2940 patches 246. 2952 patches 247. 2964 patches 248. 2976 patches 249. 2988 patches 250. 3000 patches 251. 3012 patches 252. 3024 patches 253. 3036 patches 254. 3048 patches 255. 3060 patches 256. 3072 patches 257. 3084 patches 258. 3096 patches 259. 3108 patches 260. 3120 patches 261. 3132 patches 262. 3144 patches 263. 3156 patches 264. 3168 patches 265. 3180 patches 266. 3192 patches 267. 3204 patches 268. 3216 patches 269. 3228 patches 270. 3240 patches 271. 3252 patches 272. 3264 patches 273. 3276 patches 274. 3288 patches 275. 3300 patches 276. 3312 patches 277. 3324 patches 278. 3336 patches 							

F498266G1
Sửa 2 chỗ khoan vùng



Số: 34189/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Nước vị Dừa 0h
2. Mã số mẫu: 04266612/DV.3
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH GIA QUỲNH PHÁT 86
Địa chỉ: Tầng 9, số 48 Phố Kim Mã Thượng, Phường Ngọc Hà,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 23/04/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 23/04/2026 - 14/05/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, 1,5 L/chai.
Số lượng: 2. NSX: 17/04/2026 - HSD: 17/04/2027
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	<i>C. perfringens</i>	TCVN 4991:2005	CFU/mL	< 1
9.2*	Coliforms	TCVN 6848:2007	CFU/mL	< 1
9.3*	<i>E. coli</i>	TCVN 7924-2:2008	CFU/mL	< 1
9.4*	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011	CFU/mL	< 1
9.5*	<i>S. aureus</i>	ISO 6888-1:2021	CFU/mL	< 1
9.6*	<i>Streptococci faecal</i>	TCVN 6189-2:2009	CFU/mL	< 1
9.7*	Tổng số Nấm men - nấm mốc	TCVN 8275-1:2010	CFU/mL	< 1
9.8*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/mL	< 1
9.9*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ)	AOAC 2020.07	g/100mL	1,65
9.10*	Hàm lượng Chất đạm	NIFC.02.M.03	g/100mL	KPH (LOD: 0,01)



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.11*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	g/100mL	1,57
9.12	Năng lượng (tính từ Chất béo, Chất đạm, Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ))	NIFC.02.M.06	kcal/100mL	6,60
9.13*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/L	KPH (LOD: 0,004)
9.14*	Hàm lượng Natri	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	mg/100mL	35,9
9.15*	Hàm lượng Chất béo	NIFC.02.M.04	g/100mL	KPH (LOD: 0,01)

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (*) - Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2 (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN



TS. Nguyễn Thành Trung